TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **02**/2017/QĐST-KDTM	*Tân Hiệp, ngày 18 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2017/ TLST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***** ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc K.** Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Đức M**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Ủy quyền lại cho ông **Hoàng Ngọc L**. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Trụ sở chi nhánh đặt tại: số 15, khu phố B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn:*** **Doanh nghiệp tư nhân Xuân Q (DNTN).** Người đại diện: Ông **Phạm Hữu X** - sinh năm 1963. Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.

Địa chỉ: số 165, Khu phố B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà **Nguyễn Thị G –** sinh năm 1964

Địa chỉ: số 165, khu phố B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Ngô Thị N** - sinh năm 1940

Địa chỉ: số 309, ấp Kinh 4B, xã Tân A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Trần Minh Đ** - sinh năm 1967
- Bà **Phạm Thị H** - sinh năm 1968
- Bà **Trần Thị Tuyết D** - sinh năm 1990
- Bà **Trần Thị Thanh P** - sinh năm 1995
- Cháu **Trần Mai H** – sinh năm 2008. Do ông **Trần Minh Đ** – sinh năm 1967 và bà **Phạm Thị H** - sinh năm 1968 (ông Đ và bà H là cha mẹ của cháu H) là người giám hộ cho cháu H.

Cùng địa chỉ: số nhà 311, tổ 15, ấp Kinh 4B, xã Tân A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang do ông Hoàng Ngọc L đại diện theo ủy quyền, DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện và bà Nguyễn Thị G, bà Ngô Thị N, ông Trần Minh Đ, bà Phạm Thị H, bà Trần Thị Tuyết D, bà Trần Thị Thanh P thống nhất hiện nay DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện còn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang số tiền gốc là 8.499.113.000đ (Tám tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu một trăm mười ba nghìn đồng) và số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 08/9/2017 là 317.300.230đ (Ba trăm mười bảy triệu ba trăm nghìn hai trăm ba mươi đồng) và lãi quá hạn tính đến ngày 08/9/2017 là 19.383.825đ (Mười chín triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 8.835.797.055đ, làm tròn số 8.835.797.000đ (Tám tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Các bên thống nhất cách trả nợ như sau:

Đến ngày 08/12/2017 DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang số tiền gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 08/9/2017 là 8.835.797.000đ (Tám tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và lãi phát sinh đến ngày trả nợ là dứt nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay khi DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, Kiên Giang thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Tân H, Kiên Giang có trách nhiệm trả lại các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC049900 mang tên Hộ ông Phạm Hữu X do UBND huyện cấp ngày 10/5/2016, diện tích 397,6m^2, thửa số 59 tờ bản đồ số 6, đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; cho Hộ ông Phạm Hữu X.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC049821 mang tên Hộ ông Phạm Hữu X do UBND huyện cấp ngày 10/5/2016, diện tích 624,2m^2, thửa số 12, tờ bản đồ số 5, đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; cho Hộ ông Phạm Hữu Xuân.

- Giấy CNQSD đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 350281 mang tên Hộ ông Phạm Minh Đ và Phạm Thị H do UBND huyện cấp ngày 19/01/2015, diện tích 37.500m^2, thửa số 5,4,3, tờ bản đồ số 7, đất ở, đất trồng cây lâu năm, trồng lúa nước; cho Hộ ông Phạm Minh Đ và Phạm Thị H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA127356 mang tên bà Ngô Thị N do UBND huyện cấp ngày 23/3/2011, diện tích 35.719,2m^2, thửa số 6,7, tờ bản đồ số 6, đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm, trồng lúa; cho bà Ngô Thị N.

Nếu DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện không trả số tiền trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang thì Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tân H, Kiên Giang và số đất và tài sản trên đất đã thế chấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC049900 mang tên Hộ ông Phạm Hữu X do UBND huyện cấp ngày

10/5/2016, diện tích 397,6m^2, thửa số 59, tờ bản đồ số 6, đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC049821 mang tên Hộ ông Phạm Hữu X do UBND huyện cấp ngày 10/5/2016, diện tích 624,2m^2, thửa số 12, tờ bản đồ số 5, đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 350281 mang tên Hộ ông Phạm Minh Đ và Phạm Thị H do UBND huyện cấp ngày 19/01/2015, diện tích 37.500m^2, thửa số 5,4,3, tờ bản đồ số 7, đất ở, đất trồng cây lâu năm, trồng lúa nước; Giấy chứng nhận QSD đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA127356 mang tên bà Ngô Thị N do UBND huyện cấp ngày 23/3/2011, diện tích 35.719,2m^2, thửa số 6,7, tờ bản đồ số 6, đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm, trồng lúa;

- **Máy cán xà gồ 7QC:** năm sử dụng 2013
- Kích thước (D x R x C): 8,5x 1 x 1,3(m)
- Tốc độ cán: 12-16m/phút
- Độ dày: 1,2mm – 3mm
- Bơm: 65CC Yuken – Nhật
- Trọng lượng: 09 tấn
- Khổ tôn cho phép: 120mm – 360mm
- Motor điện: 20Hp
- Hệ thống điều khiển: PLC, lập trình tự động
- **Máy cán tole 2 tầng:** năm sử dụng 2013.
- Kích thước (D x R x C): 10,8 x 1,6 x 1,5 (m)
- Tốc độ cán: 14 -20m/phút
- Độ dày: 0,2mm – 0,55mm
- Bơm: 25CC Yuken – Nhật
- Công dụng: tole song tròn + 13 sóng laphong
- Trọng lượng: 11 tấn
- Khổ tôn cho phép: 913mm – 1.219mm
- Motor điện: 7,5Hp
- Hệ thống điều khiển: lập trình tự động
- Màn hình: LCD 6 inchs
- **Máy cán tole song ngói 1 tầng:** năm sử dụng 2013.
- Kích thước (D x RxC):10x1,6x1,65 (m)
- Tốc độ cán: 4 -6m/phút
- Độ dày: 0,25mm – 0,55mm
- Bơm: 65CC Yuken – Nhật
- Trọng lượng: 10 tấn

- Khổ tôn cho phép: 913mm – 1.219mm
- Motor điện: 20Hp
- Hệ thống điều khiển: lập trình tự động
- Màn hình: LCD 6 inchs
- **Máy cán tole 1 tầng 9S:** năm sử dụng 2013.
- Kích thước (D x R x C): 9,5 x 1,6 x 1,45 (m)
- Tốc độ cán: 14 -20m/phút
- Độ dày: 0,25mm – 0,55mm
- Bơm: 25CC Yuken – Nhật
- Trọng lượng: 8 tấn
- Khổ tôn cho phép: 913mm – 1.219mm
- Motor điện: 7,5Hp
- Hệ thống điều khiển: lập trình tự động
- Màn hình: LCD 6 inchs
- **Máy chấn vòm:** năm sử dụng 2013.

- Kích thước (DxRxC):1,13x1,6x 1,5 (m)
- Khổ tôn cho phép: 913mm – 1.219mm
- Tốc độ cán: 12 - 18m/phút
- Độ dày: 0,25mm – 0,55mm
- Motor điện: 5Hp
- **Máy xẻ tole:** năm sử dụng 2013.
- Kích thước(D xR xC): 2 x 1,6 x1,2 (m)
- Motor điện: 2Hp
- Tốc độ xẻ: 10 - 15m/phút
- Độ dày: 0,23mm 0,6mm
- **Hệ thống cẩu Palang 05 tấn:** năm sử dụng 2013.
- Palang cáp điện: Hitachi 5 tấn 90%
- Trọng tải nâng: 05 tấn
- Tốc độ nâng hạ: 14,5m/p
- Công suất motor di chuyển ngang: 01Hp
- Dầm chính: kết cấu thành hộp, lang cang sàn bảo dưỡng, vuông 40 x 40 và phụ kiện kèm theo.
- **Một căn nhà phía bờ sông cái sắn** (chiều rộng 8m, chiều dài 12m) địa chỉ tại Khu phố Đông H, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LCL 201601196 ngày 13/5/2016; LCL201601193 ngày 13/5/2016, LCL201601201 ngày 18/5/2016, LCL201601200 ngày 18/5/2016; 7707 LCL201602769 ngày 22/12/2016; và văn bản thỏa thuận ngày 13/5/2017 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang với DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện. Để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí KDTMST: 8.835.797.000đ (Tám tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Án phí là: 112.000.000đ + (4.835.797.000đ x 1%) = 160.357.970đ, làm tròn số là 160.357.000đ. Án phí phải nộp là 160.357.000đ : 2 = 80.178.000đ (Tám mươi triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận như sau:

- DNTN Xuân Q do ông Phạm Hữu X đại diện nộp số tiền là 80.178.000đ (Tám mươi triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang số tiền là 58.358.241đ (Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi một đồng) theo biên lai thu số 0007551 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Bá Kha